TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2025/DS-PT
Ngày 02 - 01 - 2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Tôn Văn Thông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 477/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4912/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Công T, sinh năm 1984;

Nơi ĐKTT: số H, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên hệ: số A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: số C, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Trần Quang K, sinh năm 1996; địa chỉ: số G, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà M, ông K, ông T1 có cùng địa chỉ liên hệ: số A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2023)

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1980;

Nơi ĐKTT: số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên hệ: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số B, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim N:

+ Ông Trần Quang K, sinh năm 1996; địa chỉ: số G, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024).

3.2. Ông Nguyễn Thanh M1, sinh năm 1979;

Nơi ĐKTT: Tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/11/2023, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Công T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông T có khởi kiện bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn M2 trả cho ông T số tiền vay là 1.500.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tạm tinh đến ngày 01/11/2023 là 1.575.000.000đồng. Căn cứ khởi kiện của ông T là Giấy ủy nhiệm chi ngày 31/7/2019 thể hiện ông T có chuyển cho bà L số tiền 1.500.000.000đồng Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà L không thừa nhận có vay của ông T số tiền 1.500.000.000đồng nên tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" yêu cầu "Đòi tài sản" đối với bà L, ông M2. Yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông M2 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hoà giải, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Ngày 31/7/2019 bà L có nhận số tiền 1.500.000.000đồng ông T nộp vào tài khoản, đây không phải là tiền ông T cho bà L vay, giữa bà L và ông T không có bất cứ giấy tờ nào thể hiện việc vay tiền, theo nội dung của phiếu chuyển tiền ông T cũng không có ghi ông Đỗ Công T chuyển tiền cho bà L vay.

Trước đây trong quá trình giải quyết vụ án bà có khai số tiền 1.500.000.000đồng này là tiền của bà L, bà L đưa tiền mặt và nhờ ông T nộp vào tài khoản giùm cho bà L. Do thời điểm này bà L chưa tìm được các tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/11/2018 ký giữa ông T bà ông Đặng Kế H, các Biên nhận thể hiện bà L có giao tiền cho H với các số tiền là 600.000.000đồng, 550.000.000đồng, 900.000.000đồng nên tại phiên tòa hôm nay bà L cung cấp các tài liệu này cho Tòa án và khẳng định số tiền 1.500.000.000đồng mà ông T chuyển cho bà L là số tiền mà ông T trả cho bà L sau khi ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1059 cho bà H1 liên quan đến số tiền 2.050.000.000đồng mà bà L đã thay ông T trả cho ông H. Ông T còn nợ bà L số tiền 550.000.000đồng nhưng bà L không yêu cầu phản tố trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những ý kiến trên bà L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim N trình bày:

Số tiền 1.500.000.000đồng mà ông T cho bà L vay là tiền của cá nhân ông T. Bà không liên quan gì trong vụ án này nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh M1 trình bày:

Ông M1 và bà L hiện vẫn đang là vợ, chồng. Việc bà L có vay mượn tiền gì của ông T hay không thì ông không biết. Ông không có sử dụng và cũng không liên quan gì trong vụ án này nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T buộc bà Đỗ Thị L phải trả cho ông Đỗ Công T số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông Đỗ Công T không yêu cầu tính lãi đối với bà Đỗ Thị L.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T buộc ông Nguyễn Thanh M1 cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Đỗ Thị L trả cho ông Đỗ Công T số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2024 và ngày 25/9/2024, bị đơn bà Đỗ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Công T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn bà Đỗ Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày ông Đỗ Công T khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị L cùng ông Nguyễn Thanh M1 có nghĩa vụ trả số tiền 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn nộp các bản photocopy sao kê chứng minh bị đơn cho nguyên đơn vay và trình bày các khoản tiền này không liên quan đến khoản tiền ông T khởi kiện. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện phản tố ở Tòa án sơ thẩm; còn số tiền 1.500.000.000 đồng do bị đơn cho ông T mượn sau đó ông T chuyển lại cho bà L. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Do Tòa án sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị L. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị L kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền 1.500.000.000 đồng là ông T chuyển khoản vào tài khoản của bà Đỗ Thị L. Số tài khoản thể hiện trên giấy Ủy nhiệm chi ngày 31/7/2019 là của bà Đỗ Thị L. Căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tình tiết, sự kiện này không cần phải chứng minh.Ông T cho rằng cho vay sau đó thay đổi yêu cầu đòi lại tài sản. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng không thiếu nợ.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu đòi tài sản là số tiền 1.500.000.000 đồng của ông Đỗ Công T đối với bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Thanh M1 và ý kiến phản đối của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của ông T: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng là số tiền mà bà L đưa cho ông T và nhờ ông T chuyển tiền vào tài khoản của bà, nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

[2.2] Bị đơn cung cấp cho Tòa án bản viết tay Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/11/2018 ký giữa bà L và ông Đặng Kế H, các biên nhận thể hiện bà L có giao tiền cho ông H với số tiền qua các lần là 600.000.000 đồng, 550.000.000 đồng, 900.000.000 đồng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà N với bà H1 để thể hiện việc bà L thay ông T trả tiền cọc cho ông H và ngày ông T, bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H1 thì ông T chuyển trả tiền cho bà L.

Nội dung các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn giao nộp thì không có nội dung nào thể hiện giữa bà L và ông T có thỏa thuận bà L trả tiền cọc thay cho ông T và ông T có nghĩa vụ trả tiền cho bà L. Trường hợp các bên có tranh chấp đối với số tiền 2.050.000.000 đồng theo các biên nhận mà bị đơn cung cấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét.

Đối với các giao dịch liên quan đến các hợp đồng đặt cọc, sao kê chuyển tiền mà tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng không liên quan đến số tiền các đương sự tranh chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì được quyền khởi kiện vụ kiện khác. Đối với hợp đồng chuyển nhượng liên quan ông Đặng Kế H là một giao dịch dân sự khác nên nếu các cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến giao dịch này cho rằng

quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì cũng có quyền khởi kiện nên không cần phải đưa ông H tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2.3] Toà án sơ thẩm cũng đã thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến lời khai của ông Đỗ Công T trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 280/2022/TLST-DS ngày 28/12/2022 về "Kiện đòi tài sản" của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Quá trình giải quyết vụ án này, ông T khẳng định số tiền 1.500.000.000 đồng này là chuyển cho bà L để xây căn nhà trên thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12, tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 19/7/2023 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2024/DS-PT ngày 05/01/2024 đều không chấp nhận lời trình bày của ông T và bà L cũng không thừa nhận lời trình bày này của ông T.

Văn bản cung cấp thông tin của Ngân hàng theo yêu cầu của Toà án cấp sơ thẩm cũng xác định trong ngày 31/7/2019, ông T có chuyển tiền cho bà L số tiền là 1.500.000.000 đồng.

[2.4] Việc bà L thừa nhận có nhận tiền của ông T nhưng không chứng minh được mục đích, căn cứ để nhận số tiền này như lời trình bày nên không có cơ sở xem xét.

[2.5] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh M1 có nghĩa vụ liên đới với bà L trả cho ông T số tiền 1.500.000.000 đồng do không có kháng cáo nên không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Công T là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn bà Đỗ Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Đỗ Thị L phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 của

Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 154, 155, 280, 401, 429, 463, 466, 468, 579 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 29, 30, 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T buộc bà Đỗ Thị L phải trả cho ông Đỗ Công T số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông Đỗ Công T không yêu cầu tính lãi số tiền bà Đỗ Thị L phải trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T buộc ông Nguyễn Thanh M1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đỗ Thị L trả cho ông Đỗ Công T số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Đỗ Công T phải nộp với số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 46.750.000 (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000866 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đỗ Công T số tiền 46.450.000 (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị L phải nộp số tiền 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005148 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng